

ỨNG XỬ CỦA CHÍNH QUYỀN PHONG KIẾN VIỆT NAM THẾ KỈ XV ĐỐI VỚI CÁC TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG QUA TÌM HIỂU *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ*

TRẦN MẠNH QUANG^(*)

Đại Việt sử ký toàn thư (大越史記全書) của Ngô Sĩ Liên là bộ thông sử có giá trị đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu về lịch sử, tư tưởng chính trị Việt Nam. Đây là bộ sử do triều Lê Sơ thực hiện (đời Lê Thánh Tông năm 1479), có tính chất quan phương, chính thống, được các triều đại phong kiến Việt Nam tiếp nối công nhận. Chúng tôi, với mối quan tâm tới vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng, nhận thấy qua văn bản *Đại Việt sử ký toàn thư* có nhiều dữ liệu quan trọng trong đường lối ứng xử về vấn đề này của chính quyền phong kiến Việt Nam thế kỉ XV. Trên tinh thần cầu thị, xin mạnh dạn trình bày dưới đây.

1. Về Nho giáo

Thế kỉ XV, Tam giáo Nho, Phật, Lão vẫn đồng thời tồn tại như các thời đại trước, tuy nhiên mức độ trọng thị có sự khác nhau. Nếu như thời Lý - Trần (thế kỉ XI - XIV) chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo cả ở phương diện quan phương lẫn bình dân, thì sang thời kì này Nho giáo đã lấn át Phật giáo. Đây là một quá trình tất yếu khi nhà Lê Sơ chủ trương xây dựng mô hình nhà nước phong kiến chuyên chế tập quyền. Trong thiết chế này, sự lỏng lẻo, khoáng đạt của tư tưởng Phật giáo không đáp ứng được,

mà cần tới sự quy phạm, chặt chẽ, ước thúc nghiêm cẩn của Nho gia. Vì vậy chính sách đề cao Nho giáo được nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỉ XV hết sức coi trọng. Ngô Sĩ Liên nhận xét về đường lối trị quốc thời kì này như sau: 內制強臣,外攘夷狄.重道崇儒[XI-1a]⁽¹⁾ - nội chế cường thần, ngoại nhương di địch. Trọng đạo sùng Nho - bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch. Trọng đạo sùng Nho. Sử thần Vũ Quỳnh đánh giá thêm: 崇尚儒術,振拔英才[XIII-78a] - sùng thượng Nho thuật, chấn bạt anh tài - sùng chuộng Nho thuật, nâng đỡ nhân tài. Hàng loạt những lễ giáo quy phạm của Nho giáo được nhà nước tiếp thu và quy định thành khuôn thước giá trị, như 仁 “nhân”, 義 “nghĩa”, 禮 “lễ”, 智 “trí”, 信 “tín”. Chỉ một lời chiếu của vua Lê Thánh Tông năm 1479 có thể thấy rõ sự thấm nhuần sâu sắc triết lí “sùng Nho” đó: 天地陽舒陰慘,元氣繆轉乎兩間,帝王仁育義征,德威籠絡乎八表.易曰孤矢以威天下[XIII-17b] - Thiên địa dương

^{*}. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Ở đây chúng tôi trích dẫn theo nguyên bản chữ Hán của *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 (bản in khắc theo mộc bản năm Chính Hòa 18 (1679)). Chú [XI-1a] nghĩa là đoạn văn bản trong quyển XI, tờ 1a. Những trích dẫn về sau tương tự.

thư âm thầm, nguyên khí giao cát hồ lưỡng gian, đức vương nhân dục nghĩa chinh, đức uy lung lạc hồ bát biểu. Dịch viết cô thi dĩ uy thiên hạ - *Trời đất khoan thứ như dương sinh, phẩm khắc tựa âm tàn, nguyên khí bao la mọi chốn. Để vương nuôi dưỡng bằng lòng nhân, đánh dẹp dùng điều nghĩa, đức uy trùm khắp phương. Kinh dịch nói cung tên để ra uy trong thiên hạ.* Đáng chú ý, các điều lệnh về luật tục có từ lâu đời trong dân gian như hôn nhân, ma chay, cưới hỏi cũng được triều đình ước thúc rõ ràng theo khuôn thước Nho giáo, buộc các quan chức địa phương phải giảng giải và theo dõi việc thực hiện. Chưa hết, giáo lí nhà Nho cũng được đưa vào các huấn điều và các xã trưởng có nhiệm vụ hằng năm đọc cho xã dân. Nhiều quy định khắt khe của Nho giáo cũng được đưa vào luật định chính thức: “Lê Thánh Tông ra lệnh cho các làng lập hương ước, phái cử các nhà Nho thực hiện. Triều đình còn ban hành 24 điều giáo huấn với nội dung Nho giáo nhằm củng cố gia đình tộc họ, thôn xóm theo tam tông tứ đức”⁽²⁾.

Để tăng cường sự phổ cập của tư tưởng Nho giáo lên mọi tầng lớp, đặc biệt là đội ngũ trí thức, nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỉ XV đẩy mạnh việc truyền bá kinh nghĩa. Các hệ thống cơ sở đào tạo Nho sinh như Quốc Tử Giám, Thái Học Viện, các trường, quán được mở rộng khắp nơi. Lê Thái Tổ vừa lên ngôi đã cho lập nhà Quốc học ở kinh đô, nhà Hương học, Lộ học ở các địa phương. *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* ghi lại việc này một cách chi tiết: “Nhà vua khi mới lập Quốc học đã để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài, trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa chọn con cháu các quan và những người tuần tú trong dân xung vào làm Giám sinh.

Ngoài các lộ thì lập trường lựa chọn con em nhà lương thiện trong dân gian xung vào làm Hiệu học sinh”⁽³⁾. Điển chương kinh sách của Nho giáo như *Tứ Thư* (Luận Ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh Tử), *Ngũ Kinh* (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu) được sử dụng để làm tài liệu giảng dạy. Vua Lê Thái Tông năm Thiệu Bình thứ 3 (1436) lệnh khắc in mới lại toàn bộ sách *Tứ Thư* để ban xuống các học hiệu trên khắp cả nước, đến tháng 12 thì: 新刊四書大金板成 [XI-33b] - Tân san *Tứ Thư* đại toàn bản thành - *Ván khắc mới sách Tứ thư đại toàn hoàn thành.* Mặt khác, nhằm nâng cao hơn chất lượng giảng dạy “đạo Thánh”, nhà Lê Sơ năm 1467 còn thiết đặt chế độ học quan gọi là “Ngũ kinh bác sĩ” chuyên trách công việc giáo huấn cho sĩ tử: 初置五經博士時監生治詩書經者多習禮記周易春秋者少故制五經博士專治一經以授諸生 [XII-32b] - Sơ trí Ngũ kinh bác sĩ. Thời giám sinh trị Thi Thư kinh giả đa, tập Lễ Kí, Chu Dịch, Xuân Thu giả thiểu, cố chế Ngũ kinh bác sĩ chuyên trị nhất kinh dĩ thụ chư sinh - *Bắt đầu đặt Ngũ kinh bác sĩ. Bấy giờ các giám sinh học Kinh Thi, Kinh Thư thì nhiều, học Lễ Kí, Chu Dịch, Xuân Thu thì ít, cho nên đặt chức Ngũ kinh bác sĩ, mỗi người chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò.* Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XV, thời vua Lê Thánh Tông là giai đoạn Nho giáo được coi trọng nhất, việc đào tạo trí thức Nho gia được tiến hành rất quy củ, hệ thống giáo quan, huấn đạo được hạch chọn kĩ càng, nhấn mạnh tới yếu tố 德 “đức” bên cạnh yếu tố 才 “tài”. Tại

2. Theo Nguyễn Văn Thịnh, luận án Phó tiến sĩ khoa học Ngữ Văn, đề tài *Văn chương khoa cử thời Lê Sơ*, tr.71.

3. Xem thêm Viện Sử học dịch (1998), *Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, Nxb Giáo dục.

các học hiệu, ngoài sách Tứ Thư đã ban cấp từ trước, nhà vua theo lời tâu của Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh tiếp tục ra sắc chỉ in cấp thêm kinh điển, đó là: 旡五經官板于國子監 [XII-34a] - Ban ngũ kinh quan bản ư Quốc Tử Giám - Ban cấp bản in sách Ngũ kinh của nhà nước cho Quốc Tử Giám. Như thế để thấy được rằng, nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỉ XV đối với Nho giáo có sự hậu thuẫn mạnh mẽ về việc truyền bá và tổ chức hệ thống giáo dục. Chính sách đó tất yếu sẽ dẫn đến xu thế các tầng lớp trong xã hội học tập theo tri thức Nho giáo để làm bệ phóng tiến thân vào quan trường.

Tư tưởng “trọng Nho” của bộ máy thống trị thời kì này còn được biểu hiện qua một loạt các lệnh dụ của triều đình, quy định việc xét tuyển quan lại theo tiêu chí kinh sử Nho gia. Như lệnh dụ của vua Lê Thái Tổ vào tháng 11, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428): 二十八日,旨揮天下官員,軍民等,期以明年五月,就東京文官考試經史 [X-63a] - Nhị thập bát nhật, chỉ huy thiên hạ quan viên, quân dân đẳng, kì dĩ minh niên ngũ nguyệt, tựu Đông Kinh văn quan khảo thí kinh sử - Tháng 11, ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan viên và quân dân cả nước, hạn đến tháng 5 sang năm tới Đông Kinh để các quan văn hỏi thi kinh sử. Lệnh dụ của Lê Thánh Tông vào tháng 10, năm Quang Thuận thứ 8 (1467) về bổ xét các chức cho các lại viên xuất thân Nho học: 勅旨各衙門選儒吏出亲除各職,並詳所管從公察舉 [XII-42a] - Sắc chỉ các nha môn tuyển Nho lại xuất thân trừ các chức, tịnh tường sở quản tòng công sát cử - Sắc chỉ cho các nha môn chọn các lại viên xuất thân Nho học để bổ các chức, đều giao cho quan phụ trách xem xét công bằng rồi tiến cử lên. Về thi chọn kẻ sĩ, theo lệnh dụ của Lê Thái Tông vào tháng 7, năm Thiệu Bình thứ 1

(1434) nêu rõ: 得人之效,取士為先,取士為方科目為首 [XI-13b] - Đắc nhân chi hiệu, thủ sĩ vi tiên, thủ sĩ vi phương, khoa mục vi thủ - Muốn có được nhân tài, trước hết phải chọn lựa kẻ sĩ, mà phép chọn lựa kẻ sĩ phải lấy thi cử làm đầu. Mà nội dung thi cử không nằm ngoài những vấn đề kinh nghĩa Nho giáo, Đại Việt sử ký toàn thư cung cấp dữ liệu một kì thi chọn kẻ sĩ thời kì này như sau: 會試天下舉人 (...) 其試法筋一場四書入題,舉子自擇四題以作文,論四題,孟四題,五經每經三題,舉子自擇一題作文. 惟春秋二題併為一題作一文. 第二場則制詔表各三題. 第三場詩賦各二題賦用李白體. 第四場策問一道,其策題以經書旨意之異同歷代政事之得失為問 [XII-72b] - Hội thí thiên hạ cử nhân (...) Kì thí pháp cân nhất trường Tứ Thư nhập đề, cử tử tự trạch tứ đề dĩ tác văn, Luận tứ đề, Mạnh tứ đề, Ngũ Kinh mỗi kinh tam đề, cử tử tự trạch nhất đề tác văn. Duy Xuân Thu nhị đề tính vi nhất đề tác nhất văn. Đề nhị trường tắc chế chiếu biểu các tam đề. Đề tam trường thi phú các nhị đề phú dụng Lý Bạch thể. Đề tứ trường sách vấn nhất đạo, kì sách đề dĩ Kinh Thư chỉ ý chi dĩ đồng lịch đại chính sự chi đắc thất vi vấn - (Hồng Đức năm thứ 3 [1472]. Tháng 3) Thi hội chọn sĩ nhân trong nước. Phép thi: Kì thứ nhất ra 8 đề về Tứ Thư, người thi tự chọn lấy 4 đề, làm 4 bài văn, Luận Ngữ 4 đề, Mạnh Tử 4 đề. Ngũ Kinh: mỗi kinh 3 đề, người thi tự chọn 1 đề mà làm. Duy kinh Xuân Thu thì 2 đề gộp làm 1 mà làm. Kì thứ hai thi chế, chiếu, biểu; mỗi loại 3 đề. Kì thứ ba, thơ, phú, mỗi loại 2 đề; phú dùng thể Lý Bạch. Kì thứ tư, 1 bài văn sách, hỏi về chỗ dị đồng trong nghĩa lí của kinh truyện, điều hay dở trong chính sự của các đời.

Tuy vậy, cũng cần nhìn nhận một cách khách quan việc đề cao Nho giáo ở thời kì

này. Mặc dù trên tinh thần chủ đạo, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng giữ thế “độc tôn” trong đời sống chính trị đất nước, nhưng ngoài thực tế đời sống xã hội thì như Lê Thánh Tông - vị vua sùng Nho và kiến tạo nên một giai đoạn Nho học thịnh trị nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam (1460 - 1497) thừa nhận: “Đạo của Thánh nhân (ý chỉ các bậc Thánh Nho giáo), lớn thì tam cương ngũ thường, nhỏ thì tiết văn độ số đều thiết dụng trong cuộc sống thường ngày mà lòng ham thích của người ta chẳng bằng đạo Phật, đạo Lão, sao lại như thế?”⁽⁴⁾. Đây có thể coi là điểm bất nhất về hệ tư tưởng chính thống và hệ tư tưởng dân gian ở thế kỉ XV mà các giai đoạn Lý - Trần trước chưa hoặc ít thấy xảy ra hơn⁽⁵⁾.

2 Về Phật giáo

Thế kỉ XV chứng kiến hệ tư tưởng Phật giáo đã không còn nhận được sự ưu tiên, khuyến khích về mặt chính trị của triều đình. Việc lùi bước trong chính trường của Phật giáo được biểu hiện thông qua những chính sách kiểm soát khắt khe từ cơ quan quyền lực. Vua Lê Thái Tổ vào ngày mồng 10, tháng 6, năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) ban lệnh xét duyệt đức hạnh, trình độ tăng lữ, ai đủ điều kiện mới được tu hành, còn lại bắt phải hoàn tục: 旨揮諸僧道有通經典, 及精謹節行, 期以今月二十日就省堂通身, 檢閱考試, 中者聽爲僧道, 不中者仍勒還俗 [X-68a] - chỉ huy chư tăng đạo hữu thông kinh điển, cập tinh cẩn tiết hành, kì dĩ kim nguyệt nhị thập nhật tựu tỉnh đường thông thân, kiểm duyệt khảo thí, trúng giả thỉnh vi tăng đạo, bất trúng giả nhưng lạc hoàn tục - *ra lệnh chỉ cho các tăng đạo, người nào thông kinh điển, trong sạch, giữ tiết hạnh, hẹn đến ngày*

20 tháng này tới sảnh đường trình diện, để xét duyệt cho thi, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục. Đến tháng 12 cùng năm lại tiếp tục: 開試僧道給帖 [X-72b] - khai thí tăng đạo cấp thiệp - *Mở khoa thi tăng đạo để cấp giấy.* Tuổi quy y của tăng nhân cũng được nhà nước quy định phải trên năm mươi tuổi. Sang thời Lê Thánh Tông, việc hạn chế Phật giáo càng thêm chặt chẽ. Năm 1461, nhà nước cấm quan lại, nhân dân các phủ, lộ không được xây thêm chùa quán mới, tự tiện đúc chuông, tượng: 旨揮府, 路各處: 寺觀係無元額不得擅造 [XII-7b] - Chỉ huy phủ, lộ các xứ: Tự quán hệ vô nguyên ngạch bất đắc thiên tạo - *Ra sắc chỉ cho các xứ, phủ, lộ rằng: Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được tự tiện làm mới.* Để tránh hoạt động truyền bá tư tưởng Phật giáo vươn tới cung đình, năm 1463, chính quyền Lê Sơ cấm: 道釋之人今後不得與內宮後庭交通言語 [XII-13b] - đạo Thích chi nhân kim hậu bất đắc dĩ nội cung hậu đình giao thông ngôn ngữ - *Những người đạo Thích ở trong nước từ nay về sau không được trò chuyện trao đổi với người trong cung và hậu đình.* Đến năm 1471, Ti Tăng lục được thành lập nhằm chuyên trách kiểm tra, giám sát tình hình đạo Phật trong nước. Đặc biệt sự kiện vua Lê Thánh Tông xuống chiếu đánh Bốn Man năm 1479, một trong những nguyên cơ chinh phạt là do người Bốn Man “Hủy hoại tóc da chỉ vì dấm mè của Phật”. Những cứ liệu trên chứng tỏ sự coi nhẹ đạo Phật của nhà nước, tìm đủ mọi cách, thi hành các biện pháp quyết liệt để loại

4. Đề sách vấn của vua Lê Thánh Tông cho các sĩ tử khoa thi năm Quý Mùi (1464).

5. Thời Lý - Trần, hệ thức Phật giáo chiếm lĩnh, được cả quý tộc lẫn bình dân sùng chuộng.

bỏ, hạ thấp ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống chính trị xã hội.

Nhưng cũng cần phải chú ý rằng dù chịu sự siết chặt hoạt động, quy mô tổ chức của chính quyền phong kiến Lê Sơ, Phật giáo thời kì này vẫn tồn tại trong xã hội, được mọi giới từ công khanh quý tộc đến trí thức quan lại, nhất là quần chúng nhân dân thừa nhận. Đại tư đồ Lê Sát cho xây chùa Thanh Đàm, Chiêu Độ rộng gần trăm gian. Đô đốc Lê Ngân thờ Phật Quan Âm trong nhà. Chùa Báo Thiên được cục Tả ban Tả tác xây dựng. Vua Lê Thái Tông vẫn phải cầu đến sự ứng nghiệm của Phật giáo trong tâm linh: 命百官迎吉州法雲寺佛赴東京禱雨[XI-7a] - mệnh bách quan nghênh Cát Châu Pháp Vân tự phật phó Đông Kinh đảo vũ - (Thiệu Bình năm thứ 1 [1434]) *sai các quan rước Phật chùa Pháp Vân ở Cát Châu về Đông Kinh để cầu mưa*. Việc ban bỏ, khen thưởng cho tăng lữ đắc đạo cũng diễn ra trên bình diện quan phương: 以報天寺柱持僧惠鴻為沙門賜緋[XI-28b] - Dĩ Báo Thiên tự trụ trì tăng Huệ Hồng vì sa môn tứ phi - (Thiệu Bình năm thứ 2 [1435]) *Cho sư trụ trì chùa Báo Thiên là Huệ Hồng làm sa môn, ban cho áo tía*. Vua Lê Nhân Tông niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448) còn đích thân dẫn quần thần tới chùa Báo Ân tạ lễ: 詔文武百官齋戒詣景靈宮報恩寺祈雨. 帝伸拜禱[XI-68b] - Chiếu văn vũ bách quan trai giới nghệ Cảnh Linh cung Báo Ân tự kì vũ. Đế thân bái đảo - *Xuống chiếu cho các quan văn võ phải trai giới đến chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh làm lễ Cầu mưa. Vua đích thân tới vái xin*. Tầng lớp trí thức Nho sĩ mặc dù ra sức công kích “tệ lậu” Phật giáo làm “mờ tối” thiên lí, “mê hoặc” lòng người, như Nguyễn Đức Trinh phê phán: “Đạo Phật kia...dựa vào một mớ lí thuyết trống

không làm mờ tối thiên lí là dương nhiên, nó mê hoặc người đời, cảm dỗ dân chúng, che lấp nhân nghĩa, tác hại vô cùng”⁽⁶⁾. Hay Lương Thế Vinh cảm thán: “Huống hồ thuyết lí nhà Phật, cái ý kiến tính thành Phật của họ đã đủ làm mê lầm người có học thức, cái luận thiện ác quả báo của họ đã đủ gây sợ hãi cho dân thường. Do đó lòng người dễ bị mê hoặc”⁽⁷⁾. Thế nhưng mâu thuẫn thay, ngoài quan trường, họ vẫn đặt tâm trọng Phật, đây là biểu hiện rõ ràng nhất cho tư tưởng “cư Nho mô Thích” mà phần đa trí thức thời bấy giờ ngầm định. Thậm chí ngay cả các vị vua nổi tiếng “sùng Nho” như Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông vẫn thường xuyên đi thăm viếng các danh lam cổ tự, phát tâm hạnh nguyện, trọng vọng cao tăng.

3. Về Đạo giáo

Nhìn chung, Đạo giáo ở Việt Nam thế kỉ XV bị chính quyền cai trị phong kiến chèn ép, chịu sự kiểm duyệt rất gắt gao. Nhà Hồ lên thay thế nhà Trần, năm Quý Mùi (1403), Hồ Hán Thương đã răn đe sự phát triển của Đạo giáo bằng việc giết đạo sĩ phương thuật lưu hành trong dân gian là Trần Đức Huy. Năm Đinh Mùi (1427), Bình Định Vương Lê Lợi đã hạ lệnh: 禁稱巫蠱左道假稱邪神, 搖動浮言, 扇惑人心者 [IX-31a] - Cấm xưng vu cổ tả đạo giả xưng tà thần, dao động phù ngôn, phiến hoặc nhân tâm giả - *Cấm những kẻ xưng là đồng cốt, tà đạo, mượn tiếng ma quỷ, thần thánh, gieo rắc hoang mang, bịa đặt mê hoặc lòng người*. Điều này ngoài nguyên nhân để ưu tiên chính

6. Theo bài văn sách đình đối khoa thi năm Quý Mùi (1463) của Nguyễn Đức Trinh do PGS.TS Nguyễn Văn Thịnh dịch.

7. Theo bài văn sách đình đối khoa thi năm Quý Mùi (1463) của Lương Thế Vinh do PGS.TS Nguyễn Văn Thịnh dịch.

sách phát triển Nho giáo còn bởi do trước đây, nhà Minh trong thời gian đô hộ nước ta đã lợi dụng Đạo giáo để mê hoặc nhân dân. Chúng truyền bá các hình thức mê tín, tà thuật, phù phép, đào tạo hàng loạt thuật sĩ, đạo sĩ chuyên sống bằng nghề ma chay, bói toán hòng đầu độc, phá hoại tinh thần đấu tranh dân tộc. Khi triều đình Lê Sơ được thiết lập (1428), việc hạn chế Đạo giáo càng nghiêm khắc hơn. Năm 1461 triều đình ra lệnh cấm dân gian không được xây dựng các đạo quán mới nếu không có hạn ngạch: 寺觀係無元額不得擅造 [XII-7b] - Tự quán hệ vô nguyên ngạch bất đắc thiện tạo - *Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được tự tiện làm mới*. Ở chốn cung đình, nhà nước cấm ngặt việc người trong cung tiếp cận với Đạo giáo dưới mọi hình thức, thậm chí chuyện trò cũng không cho phép: 旨揮天下: 卜筮之人今後不得與內宮後庭交通言語 [XII-13b] - Chỉ huy thiên hạ: Bốc thệ chi nhân kim hậu bất đắc dữ nội cung hậu đình giao thông ngôn ngữ - *Chỉ huy thiên hạ: Bốc thệ chi nhân kim hậu bất đắc dữ nội cung hậu đình giao thông ngôn ngữ* - (Quang Thuận năm thứ 3 [1462]) ban sắc chỉ rằng: *những người bói toán ở trong nước từ nay về sau không được trò chuyện trao đổi với người trong cung và hậu đình*. Để kiểm soát hoạt động Đạo giáo trên cả nước, năm 1471, Lê Thánh Tông đã thiết lập Ti Đạo lục. Đây là cơ quan chuyên trách theo dõi và xử lý các vấn đề có liên quan tới Đạo giáo của triều đình. Đội ngũ trí thức Nho sĩ thời kỳ này cũng mỉa mai, bài xích tư tưởng triết lý Đạo giáo, theo họ sự tồn tại của Đạo giáo không có gì khác hơn là lợi dụng những nhược điểm bản năng của mỗi người: “Có lẽ do chỗ con người không ai không thích sống lâu, mà đạo Lão có cái thuyết phi thăng. Con người không ai không sợ chết

mà đạo Lão có cái luận trường sinh làm người ta sợ hãi để mê hoặc chúng nhân”⁽⁸⁾. Họ cất nghĩa việc dân chúng “bị hấp” vào Đạo giáo: “Thuyết lý đạo Lão, cái nghĩa *Huyền chi hựu huyền* đủ để làm chuyện luận bàn, thuyết *Thần tiên bất tử* lại đủ để dụ dỗ phạm dân”⁽⁹⁾. Họ cay đắng sự mê hoặc của Đạo giáo, do đó mới trở nên “yêu mị”, dẫn dụ ngay đến cả: “bậc hùng tài như Hán Vũ Đế còn thích đạo sĩ, cầu thần tiên. Bậc chuộng Nho thuật như Hán Minh Đế còn sai sứ đi tây vực”⁽¹⁰⁾. Với hệ tư tưởng chi phối của Nho giáo, dễ hiểu khi tầng lớp thống trị và đội ngũ Nho sĩ thế kỷ XV đối xử lạnh nhạt, thành kiến với Đạo giáo nói riêng và các hoạt động liên quan tới Đạo giáo nói chung (Bốc phê, lên đồng, xem quẻ).

Có sự mâu thuẫn là chính quyền phong kiến Lê Sơ một mặt bài trừ ảnh hưởng của Đạo giáo, mặt khác lại thích sử dụng một số yếu tố “thần bí” của Đạo giáo. Như vị vua được đánh giá “sùng Nho” nhất là Lê Thánh Tông cũng tự xưng là 道庵主人 - Đạo Am chủ nhân. Vua Lê Hiến Tông ra đời, theo Ngô Sĩ Liên ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, cũng “nhờ” phép thuật hiển linh: 先是,聖宗未有繼嗣,光淑皇太后嘗爲祈禱,命德忠禱于佛跡山徐公庵(...)及彌月,夢黃龍自天而下,飛入所居,少頃遂生帝 [XIV-1a-1b] - Tiên thị, Thánh Tông vị hữu kế tự, Quang Thục hoàng thái hậu thường vi kì đảo, mệnh Đức Trung đảo ư Phật Tích sơn Từ Công am (...) Cập di nguyệt, mộng hoàng long tự thiên nhi hạ, phi nhập sở cư, thiểu khoảnh toại sanh đế - *Trước đây, Thánh Tông chưa có con nối,*

8. Theo bài văn sách đình đối năm 1463 của Nguyễn Đức Trinh do PGS.TS Nguyễn Văn Thịnh dịch.

9,10. Theo bài văn sách đình đối khoa thi năm Quý Mùi (1463) của Lương Thế Vinh do PGS.TS Nguyễn Văn Thịnh dịch.

Quang Thục hoàng thái hậu đã từng cầu đảo, sai Đức Trung đến cầu ở am Từ Công núi Phật Tích (...) Đến khi đủ ngày tháng, chiêm bao thấy rồng vàng từ trên trời sa xuống, bay vào trong phòng, một lát sau thì sinh ra vua. Ngoài ra trong một số trường hợp như cầu mưa, giải hạn, chính quyền Lê Sơ vẫn cầu đến sự giúp sức của Đạo giáo. Một số quan lại xuất thân đạo sĩ như Bùi Thị Hanh vẫn được trọng dụng qua các triều vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông⁽¹¹⁾. “Vọng tiên lâu” được Lê Thánh Tông dựng nên để tỏ lòng mong ngóng nàng tiên vô tình gặp gỡ rồi biến mất ở chùa Ngọc Hồ. Sự phức tạp, có phần bất nhất trong quan điểm ứng xử về tôn giáo của chính quyền phong kiến Việt Nam thế kỉ XV có lẽ chính là bởi nền văn hóa “khoan dung”, dễ thích nghi với các hệ tư tưởng khác nhau của người dân Việt từ muôn đời.

4. Về phong tục tín ngưỡng dân gian

Phong tục tín ngưỡng dân gian nếu chiếu theo hệ thức giá trị Nho giáo chiếm lĩnh thời kì này bị xem là “hủ hóa”. Vua Lê Thái Tông coi nhạc lễ dân gian cổ truyền là “dâm nhạc”, bắt phải bỏ hẳn trong tế lễ: 帝謁太廟罷倡優戲,不奏淫樂. Để yết Thái miếu bài xướng ưu hí, bắt tấu dâm nhạc - *Vua yết Thái miếu bài trò hát chèo, không tấu nhạc dâm nữa.* Thậm chí phong tục nơi quê nhà Lê Sơ là Thanh Hóa cũng bị triều đình phê phán, cấm được tổ chức. Ngô Sĩ Liên đứng trên lập trường trí thức Nho sĩ nhận định là “rất xấu xa”: 清化民覩駕至,男女相率哩哩唱歌於行在.其俗哩哩,半男,半女携手歌唱,或相交足交頸謂掛花,結花,甚於醜態 [XI-64b] - Thanh Hóa dân đổ giá chí, nam nữ tương suất rí ren xướng ca ư hành tại. Kì tục rí ren, bán nam, bán nữ huê thủ ca xướng, hoặc tương giao túc giao cảnh vị

quả hoa, kết hoa, thậm ư xú thái - *Dân Thanh Hóa thấy xa giá đến, trai gái đem nhau đến hát rí ren ở hành tại. Tục hát rí ren này, một bên con trai, một bên con gái dất tay nhau ca hát, có lúc tréo chân tréo cổ nhau gọi là cấm hoa, kết hoa, trông rất là xấu.* Cực đoan hơn, Đài quan Đồng Hanh Phát coi phong tục lâu đời này là “dâm tục”, “nhảm nhí”: 此淫風惡俗,不可坐瀆駕前 [XI-64b] - Thử dâm phong ố tục bất khả tọa độc giá tiên - *Đây là thói dâm tục xấu, không để nhảm nhí trước xa giá.* Kết quả đến năm Thái Hòa thứ sáu (1448), Thái úy Lê Khả đã lệnh cấm hẳn tục hát rí ren độc đáo. Trạng nguyên Vũ Kiệt trong bài văn sách đình đối khoa thi Nhâm Thìn (1472) tố thái độ nghiêm khắc đối với những biểu hiện “man di” theo lễ giáo Nho gia: “Phong tục bại hoại suy đồi quá lâu mà chưa trừ được. Hẹn đợi nhau ở góc thành, nhóm năm tùm ba mà không hiểu đó là điều đáng hổ thẹn. Kẻ hẹn nhau trong đám dân tranh cướp thê thiếp của nhau mà không biết đó là điều xằng bậy”⁽¹²⁾.

Tuy nhiên, chính quyền phong kiến Việt Nam thế kỉ XV cũng nhận thức được những truyền thống tín ngưỡng bản địa đã bám rễ sâu sắc trong lòng dân tộc, không dễ trừ bỏ được. Nên đã có chính sách “xoa dịu” linh hoạt: công nhận tục thờ cúng thần linh, thành hoàng. Đây đồng thời là một hình thức áp đặt quyền lực tuyệt đối của vương triều, không chỉ về “thế quyền” mà còn bao quát cả “thần quyền”. Định kì hằng năm, triều đình lại: 遣官分祭處山,川,廟,社神祇 [X-57b] - Khiển quan phân tế xứ sơn, xuyên, miếu,

11. Bùi Thị Hanh được giữ chức Thái sử.

12. Theo bài văn sách đình đối khoa thi năm Nhâm Thìn (1472) của Vũ Kiệt do PGS.TS Nguyễn Văn Thịnh dịch.

xã thần kì - *Sai các quan chia nhau đi tế thần kì núi, sông, đền, miếu các xứ* Hoàng đế còn lợi dụng sự tín niệm truyền thống để tổ chức hội thể “phù trợ vương nghiệp, trung quân ái quốc”, nhằm bảo đảm ngôi vị cho mình: 出較場觀大神等及文武内外百官告天地神祇,名山,大川,刑帛馬獸血盟誓 [XI-3a] - xuất giá trường quan đại thần đẳng cấp văn vũ nội ngoại bách quan cáo thiên địa, thần kì, danh sơn, đại xuyên, hình bạch mã sát huyết minh thệ - (*Vua*) *ra trường đấu xem các đại thần và quan văn võ trong ngoài tế cáo trời, đất, thần kì danh sơn, đại xuyên, giết ngựa trắng lấy máu cùng thể* Quy phạm hơn, năm 1437 vua Lê Thái Tông tiến hành sắc phong chức vị cho các thần: 加封天下各處神祠,命官致祭 [XI-37a] - Gia phong thiên hạ các xứ thần từ, mệnh quan trí tế - *Gia phong thần từ các xứ trong nước, sai quan đến tế* Năm 1449, đời Lê Nhân Tông, đền thờ Đô đại thành hoàng được triều đình cho lập ở kinh đô cùng với các đền thờ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp khác, tứ thời cúng tế. Vua Lê Nhân Tông còn cho tổ chức lễ hội chiến thắng ban yến cho các quan, làm khúc nhạc “Bình Ngô phá trận” vừa tấu vừa múa khiến cho người xem cảm động đến rơi nước mắt. Hàng năm, các vua Lê ngự về điện Lam Sơn để tế tự tổ tiên. Trong dân gian, tục thờ cúng các anh hùng có công với làng, với nước được thực hiện rộng rãi, xây đền dựng miếu, biên chép hành trạng, quanh năm hương khói. Những người có công trong khởi nghĩa Lam Sơn đều được nhân dân thờ phụng. Tục thờ tổ tiên do đó mà phổ biến khắp nơi.

Tóm lược thái độ ứng xử đối với tôn giáo, tín ngưỡng của chính quyền phong kiến Việt Nam thế kỉ XV, được ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng ta nhận thấy sự biến đổi trong tư tưởng chính trị thời kì này so với các giai đoạn lịch sử trước. Những vị vua thời Lê Sơ thế kỉ XV đã từ bỏ chính sách khoan dung Tam giáo (Nho, Phật, Lão) của nhà nước thời Lý - Trần để chuyển sang chính sách đơn nguyên, “độc tôn” Nho giáo. “Ở đây, Nho giáo mà cụ thể là Tống Nho được đề cao như một hệ tư tưởng chính thống nhà nước, làm bệ đỡ về tư tưởng cho chế độ quân chủ quan liêu”⁽¹³⁾. Khẩu hiệu “Sùng Nho” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, các nguyên tắc cơ bản về đạo đức và lễ giáo Nho giáo không ngừng được củng cố. Phật, Lão tuy bị triều đình kiểm soát, hạn chế, nhưng trong thực tế vẫn tiếp tục được truyền bá và phát triển. Điều đó cho thấy sự phức tạp của tình hình tôn giáo thế kỉ XV cũng như hệ thức tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời kì này về vấn đề ứng xử tôn giáo. Nho giáo không chỉ đơn giản xuôi chiều được đề cao, mà còn có sự đan xen, hòa lẫn triết lí Phật, Lão trong tâm tưởng của các tầng lớp xã hội đương thời, kể cả tầng lớp thống trị quan liêu và đội ngũ trí thức Nho giáo./.

13. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo Dục, Tr.125.